

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5-BẮC NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24 /2025/HNGĐ-ST
Ngày 18-8-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu;

Các Hội thẩm nhân dân: bà Hoàng Thị Chung, ông Lương Xuân Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Khiết – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 112/2025/TLST- HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp người nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Phạm Thị H, sinh năm 1979. Có mặt.

- *Bị đơn:* ông Lê Huy V, sinh năm 1978. Xin vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố PK, phường PS, tỉnh BN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/7/2025, các lời khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, bà Phạm Thị H trình bày: bà và ông Lê Huy V kết hôn với nhau năm 1998, trước khi kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Phượng Sơn (nay là UBND phường Phượng Sơn, tỉnh Bắc Ninh). Sau ngày cưới, bà về chung sống với ông V ngay tại TDP Phượng Khanh, phường Phượng Sơn. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2015, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên thường xảy ra cãi nhau. Mặc dù hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không có kết quả, bà và ông V đã sống ly thân với tôi từ năm 2015 đến nay, không còn quan tâm

đến nhau nữa. Nay bà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Huy V.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà và ông V có 02 con chung là cháu Lê VT, sinh ngày 25/02/2000, hiện đã trưởng thành, có gia đình riêng con thứ 2 là cháu LCC, sinh ngày 26/01/2011, hiện cháu đang sống cùng tôi, Ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu LCC.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà không đề nghị ông V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà.

Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Nợ chung của vợ chồng: Không có

Chứng cứ bà H đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là 01 bản gốc Chứng nhận kết hôn; 01 bản sao Giấy khai sinh cháu Lê Anh Tú; 01 bản sao Giấy khai sinh cháu L CC; 01 bản phô tô căn cước công dân tên Phạm Thị H; 01 Xác nhận thông tin nơi cư trú.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/01/2025, bị đơn là ông Lê Huy V trình bày: ông V thừa nhận nội dung bà H khai về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, con chung là đúng. Ông V không đồng ý ly hôn dù đã xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chỉ vì đang bị tạm giam nên không nhất trí ly hôn, đồng ý để bà H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Công.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Nợ chung của vợ chồng: không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do ông đang bị tạm giam nên đề nghị được vắng mặt tại tất cả phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại tất cả phiên tòa xét xử vụ án.

Tòa án đã lấy lời khai của cháu LCC. Cháu C có nguyện vọng được ở cùng bà H.

Tại phiên tòa. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Chủ tọa phiên tòa đã công bố lời khai của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ trình tự tại phiên tòa sơ thẩm.

Các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1, Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều

273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cho bà Phạm Thị H và ông Lê Huy V được ly hôn.

Về con chung: Giao cho bà Phạm Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu L CC, sinh ngày 26/01/2011. Ông V có quyền thăm con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra xem xét.

Về án phí: bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: ông Lê Huy V vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông V theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Các đương sự đều cư trú tại phường Phụng Sơn, tỉnh Bắc Ninh; bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc “Ly hôn, tranh chấp người nuôi con khi ly hôn”. Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về Nội dung: bà Phạm Thị H và ông Lê Huy V tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phụng Sơn (nay là phường Phụng Sơn, tỉnh Bắc Ninh ngày 17/12/1998. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông V là hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà H, Hội đồng xét xử thấy: bà H và ông V đều thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn, đã sống ly thân nhau được hơn 02 năm đến nay không còn tình nghĩa vợ chồng, không quan tâm đến nhau. Bà H đề nghị ly hôn với ông V. Mặc dù ông V không nhất trí ly hôn nhưng đã xác định vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông V đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, cho bà H được ly hôn ông V là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: bà H và ông V đều thừa nhận có 02 con chung là cháu Lê Việt Tiến, sinh ngày 25/02/2000, hiện đã trưởng thành, có gia đình riêng, con thứ 2 là cháu L CC, sinh ngày 26/01/2011. Bà H và ông V đều đồng ý để bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Công, cháu Công cũng có nguyện vọng được ở với bà H nên cần giao cháu Công cho bà H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Công là có căn cứ. Các đương sự đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Các đương sự đều thừa nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí, quyền kháng cáo: bà Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Cho bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Lê Huy V.

2. Về con chung: Giao cho bà Phạm Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu L CC, sinh ngày 26/01/2011. Ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002377 ngày 15/7/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 – Bắc Ninh. Xác nhận bà H đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 5 – Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 5 – Bắc Ninh;
- UBND phường Phụng Sơn, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Hiếu